

Văn hóa, giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ

Nguyễn Quang*

*Khoa Anh, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 08 tháng 01 năm 2008

Tóm tắt. Trong bài viết này, các định nghĩa và các cách nhìn nhận khác nhau của các nhà nghiên cứu và các thể chế khác nhau về “Văn hóa” được đưa ra bàn luận một cách có phê phán trước khi tác giả bài báo đưa ra định nghĩa riêng của mình. Tác giả tiến hành phân loại các kiểu giao thoa văn hóa và xem xét các sốc/xung đột văn hóa. Tác giả cũng đưa ra các khuyến nghị về “Nội dung” và “Cách thức” tiếp cận giao thoa văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ nhằm giúp người học thành công trong giao tiếp quốc tế.

1. Đặt vấn đề

“Văn hoá” đã được bàn luận từ xa xưa. Nhưng có lẽ chưa bao giờ vấn đề văn hoá lại được quan tâm rộng rãi và sâu sắc như hiện nay khi mà quá trình toàn cầu hoá và quốc tế hoá (dù muốn hay không) đang xảy ra mạnh mẽ, khi mà các đụng độ văn hoá (dù tích cực hay tiêu cực) đang là điều không thể tránh khỏi, và khi mà sự đòi hỏi về giữ gìn bản sắc văn hoá (như một hệ quả) trở nên vô cùng bức thiết trước sự đe dọa của cái gọi là “Chủ nghĩa đế quốc văn hoá” (*Cultural imperialism*).

2. Văn hóa là gì?

Không ai có thể nói chắc chắn hiện có bao nhiêu định nghĩa về văn hoá (có thể là hàng trăm?!). Duy có một điều rõ ràng: Các định nghĩa này đều được đưa ra nhằm định

hướng và tạo đích cho các nghiên cứu hay luận đàm cụ thể.

Theo thiên ý, nhìn chung, các định nghĩa về văn hoá mà chúng tôi được biết, ở các mức độ khác nhau, có thể được xếp vào một hay hơn một loại sau:

- *Đối lập văn hoá với tự nhiên, gắn kết phần CON của con người với TỰ NHIÊN và phần NGƯỜI của con người với VĂN HOÁ.*

- *Xác định văn hoá trên cơ sở xác lập và nhấn mạnh vào một/các yếu tố cấu thành của văn hoá:*

+ *Xét theo bản chất hữu hình và vô hình của các yếu tố cấu thành văn hoá;*

+ *Xét theo bản chất sở hữu, tư duy và hành động của con người;*

+ *Nhấn mạnh vào hành vi của con người;*

+ *Nhấn mạnh vào hoạt động ý thức của con người;*

+ *Nhấn mạnh vào tính bản sắc của văn hoá;*

+ *Xét theo các khía cạnh khác nhau của tổng thể văn hoá;*

+ *Xét theo tổng thể các sản phẩm của tư duy và hành vi được chia sẻ giữa các thành viên trong một cộng đồng.*

* ĐT: 84-4-7224289

E-mail: nguokwang@yahoo.com

2.1. *Đôi lập văn hóa với tự nhiên, gắn kết phân con của con người với thiên nhiên và phân người của con người với văn hóa*

Có ý kiến cho rằng “Văn hoá là phi tự nhiên” (*Culture is non-natural*). Theo định nghĩa này, người ta có thể hiểu rằng hình như có một nhát cắt đứt khoát giữa văn hoá và tự nhiên: Cái gì đã thuộc về tự nhiên thì không thuộc về văn hoá và ngược lại. Nói cách khác, hình như có hai loại môi trường đồng nhất trong sự đối lập: môi trường tự nhiên và môi trường văn hoá. Những người ủng hộ định nghĩa này thường đưa ra những ví dụ sau để củng cố cái được gọi là “chân tín” đó:

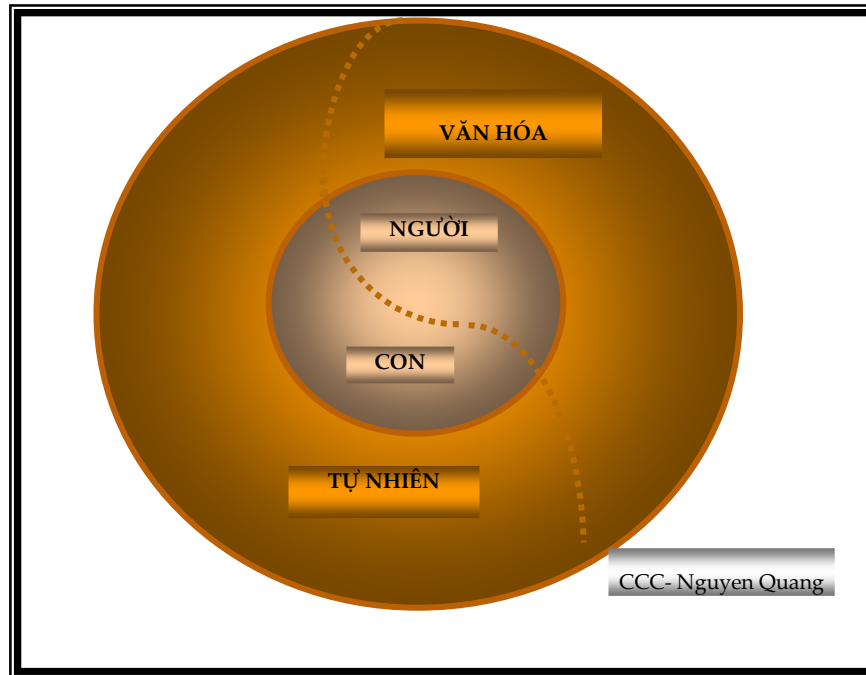
- Một hòn đá tồn tại ngoài thiên nhiên chỉ đơn giản là một sản phẩm vô thường của tự nhiên. Nhưng khi một con người móng muội nào đó nhìn thấy nó, thấy có thể tận dụng được mặt vát hay đầu nhọn của nó cho mục đích sinh tồn vụ lợi của mình, anh ta bèn mang nó về và sử dụng nó cho mục đích đó, nó sẽ không còn là sản phẩm của tự nhiên nữa mà đã trở thành sản phẩm của văn hoá. Và nếu đó là một hòn đá tròn trịa được anh ta mang về, chế tác thành chiếc rìu để phục vụ cho cuộc sống săn bắn, hái lượm của mình thì nó lại càng rõ ràng là một sản phẩm của văn hoá.

- Một bụi thảo mộc mọc hoang dã giữa thiên nhiên là sản phẩm của thiên nhiên đích thực. Nhưng khi ta bứng nó lên, mang về nhà, trồng vào một chậu cảnh và đặt nó lên bệ cửa sổ với một chủ đích thẩm mỹ nào đó, nó rõ ràng đã là một sản phẩm của văn hoá.

Nói tóm lại, khi một thực thể (hiểu theo nghĩa triết học bao gồm cả hiện hữu và phi

hiện hữu) được gắn kết với một “chủ đích của con người” (*human intention*) và/hoặc một “thao tác có chủ đích của con người” (*human touch*), nó sẽ trở thành một sản phẩm của văn hoá. Tuy nhiên, việc đối lập hoá và đẳng lập hoá “thiên nhiên” và “văn hoá”, theo chúng tôi, có chỗ cần được lạm bàn. Cái mà trước khi có được “chủ đích của con người” và/hoặc “thao tác có chủ đích của con người” để trở thành sản phẩm của văn hoá, hiển nhiên, phải là một sản phẩm của tự nhiên. Trong hàng hà sa số những sản phẩm của tự nhiên đó, chỉ có những sản phẩm có được dấu ấn của con người mới trở thành sản phẩm của văn hoá. Do vậy, có thể suy diễn là văn hoá nằm trong tự nhiên, môi trường văn hoá nằm trong môi trường tự nhiên, sản phẩm của văn hoá là sản phẩm được lựa chọn và tạo tác từ các sản phẩm của tự nhiên...; và như thế, việc đối lập hoá và đẳng lập hoá văn hoá và tự nhiên tỏ ra chưa ổn.

Có học giả lại xem xét mối quan hệ giữa văn hoá với tự nhiên theo tiên khởi trong bản chất kép của con người. Con người là biểu hiện cô đúc nhất của sự đối lập và hài hoà giữa văn hoá và tự nhiên. Ở con người có tính CON và tính NGƯỜI; ngoại giới cũng vậy! Nói cách khác, ngoại giới chính là “sự kéo dài và mở rộng” của con người. Cái thuộc về tính CON của ngoại giới chính là **tự nhiên** và cái biểu hiện tính NGƯỜI của ngoại giới chính là **văn hoá**. Chúng đồng nhất và đối lập, tương tác và phản tác, tương hỗ và tương phản, kìm nén và thúc đẩy... Xin được sơ đồ hoá quan điểm này như sau:



Một đại diện gần đây nhất cho cách nhìn nhận này là Kramsch. Theo tác giả (2000:4),

Một cách suy ngẫm về văn hoá là đối lập nó với tự nhiên. Tự nhiên (Nature) hàm chỉ cái được sinh ra và tăng trưởng một cách hữu cơ (xuất phát từ từ Latinh “nascere” có nghĩa là “được sinh ra”); Văn hoá (Culture) hàm chỉ cái được trồng cấy và chăm sóc (xuất phát từ từ Latinh “colere” có nghĩa là “cấy trồng”).

2.2. Xác định văn hóa trên cơ sở xác lập và nhấn mạnh vào một/các yếu tố cấu thành của văn hóa

+ Xét theo bản chất hữu hình và vô hình của các yếu tố cấu thành văn hóa:

Các nhà nghiên cứu xuất phát từ quan điểm này cho rằng văn hoá bao gồm hai yếu tố cơ bản là văn hoá vật thể (hữu hình) và văn hoá phi vật thể (vô hình). Các công trình kiến trúc, các trang phục dân tộc, nghệ thuật ẩm thực ... là những biểu hiện của văn hoá vật thể; trong khi những điệu dân ca, dân vũ, những lễ hội dân gian ... là những thành

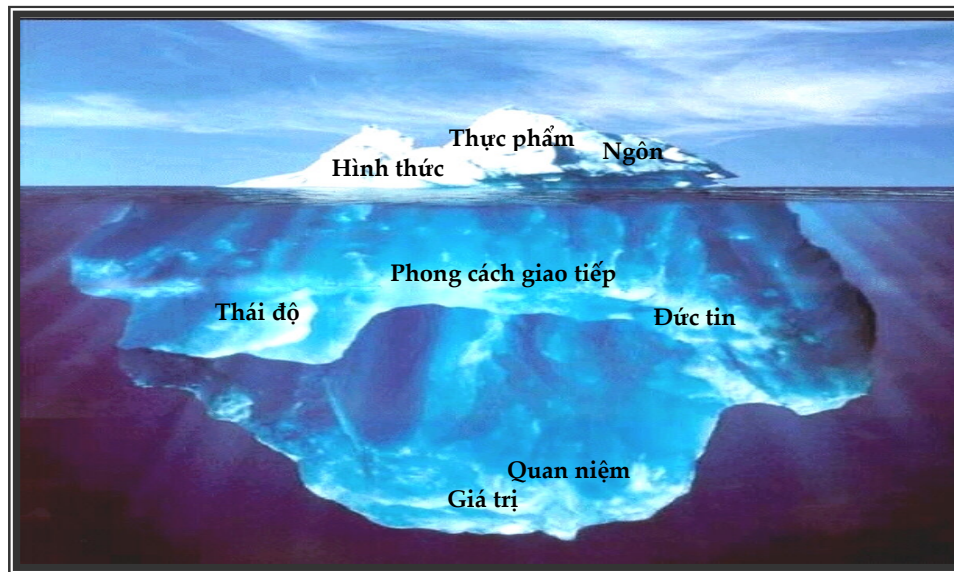
phần tạo nên văn hoá phi vật thể. Với cách nhìn nhận này, văn hoá hầu như chỉ bó hẹp trong phạm vi các sản phẩm văn hoá (vật thể và phi vật thể). Các yếu tố hành vi hầu như không được lưu xét và các ẩn tàng văn hoá như giá trị, quan niệm, đức tin... hầu như bị coi nhẹ. Các nhà nghiên cứu văn hoá theo cách nhìn nhận này có xu hướng nghiêng về văn hoá miêu tả, có nghĩa là, họ chú tâm hơn vào việc sưu tầm và miêu tả lịch đại các sản phẩm văn hoá của một/nhiều xã hội nhất định.

Tuy cùng xét văn hoá trên cơ sở các yếu tố hữu hình và vô hình, nhưng một số tác giả khác lại nhìn nhận các sản phẩm văn hoá như là các biểu hiện hữu hình của văn hoá; còn các ẩn tàng văn hoá - những yếu tố thúc đẩy người ta sáng tạo ra những sản phẩm văn hoá đó theo cách mà chúng vốn thế, và do vậy, tạo ra bản sắc riêng - được họ coi là các biểu hiện vô hình của văn hoá. Levine và Adelman [1] là những tác giả theo cách nhìn nhận này. Họ đã “hình hài hoá” khái niệm văn hoá, nhìn nhận nó như một núi băng với 1/4 nổi trên và 3/4 chìm dưới mặt nước. Phần

nổi của núi băng gọi lên cái hữu hình của văn hoá và phần chìm của nó giúp liên tưởng đến các ẩn tàng của văn hoá. Theo Levine và Adelman [1].

... Như với một tảng băng, ta khó có thể thấy được phần lớn sự ảnh hưởng của văn hoá đối với một

cá nhân. Phần nổi của văn hoá không phải lúc nào cũng là cái tạo ra những khó khăn trong giao văn hoá; các khía cạnh ẩn tàng của văn hoá tạo ra những ảnh hưởng có ý nghĩa đối với hành vi và tương tác [giao tiếp - Nguyễn Quang] với người khác.



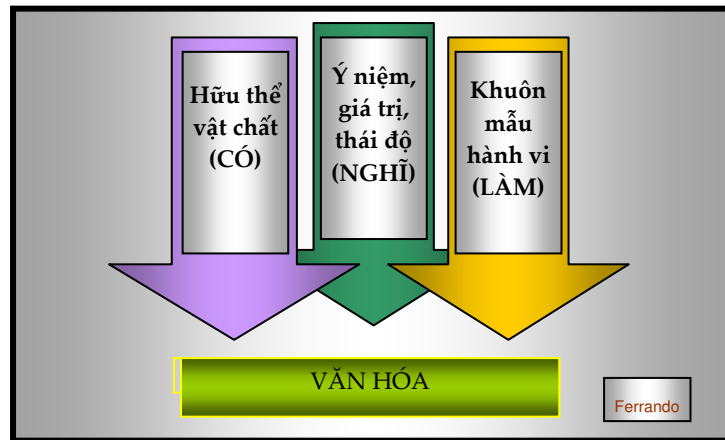
+ Xét theo bản chất sở hữu, tư duy và hành động của con người:

Một số nhà nghiên cứu không chỉ nhìn nhận văn hoá như một tổng thể mang tính “sản phẩm” mà còn xem xét tính “tình trạng” và tính “quá trình” có liên quan đến các sản phẩm văn hoá. Nói cách khác, yếu tố động

của người sáng tạo ra sản phẩm văn hoá đã được lưu xét. Ferrando có thể được coi là đại diện cho xu hướng này. Theo tác giả (1996:18),

Văn hoá là mọi thứ mà người ta **có, nghĩ và làm** với tư cách là một thành viên của một xã hội.

Và ông đưa ra sơ đồ sau:



+ Nhấn mạnh vào hành vi của con người

Các tác giả theo xu hướng này đa phần là những nhà nghiên cứu văn hoá hành vi thuộc các chuyên ngành khác nhau như giao tiếp, dụng học, dân tộc học, nhân học... Họ nhấn mạnh vào tính động của văn hoá, vào cách thức, kĩ năng, cơ chế... hành xử của con người. Trong thực tế, họ đi sâu vào cái mà ta gọi là "Hạ văn hoá" (Low culture), có nghĩa là văn hoá thường nhật, văn hoá sinh hoạt chứ không phải là "Thượng văn hoá" (High culture) của văn chương, nghệ thuật và âm nhạc. Williams [2] khẳng định:

Văn hoá là đời thường

Ông đã làm rõ hơn nhận định này khi cho rằng:

Văn hoá là toàn bộ cách thức sống của một dân tộc nhất định

O'Sullivan [3] cũng chia sẻ quan điểm này khi nhìn nhận:

Văn hoá là những cách thức mà người ta đồng thuận để tồn tại

Cũng đề cập đến các cách thức sống, Kluckhohn et al. [4] coi văn hoá như động lực và phương tiện để tạo ra sự nhận diện cho một cộng đồng. Theo các tác giả,

Văn hoá là các cách thức mang tính khuôn mẫu về suy nghĩ, cảm nhận và phản ứng được đòi hỏi và truyền tải chủ yếu bằng các tượng trưng, tạo nên những thành tựu nổi bật của các nhóm người, kể cả hiện thân của các tạo tác của chúng;

cốt lõi căn bản của văn hoá bao gồm các ý niệm truyền thống (ví dụ, được lựa chọn và phái sinh xét theo góc độ lịch sử) và đặc biệt là các giá trị gắn kết của chúng.

Nhấn mạnh vào kĩ năng do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa chức năng, Wardhaugh [5] nhìn nhận văn hoá như:

... kĩ năng mà người ta phải có để hoàn thành được nhiệm vụ của cuộc sống thường nhật; chỉ đối với một số ít người, văn hoá mới đòi hỏi phải có hiểu biết ít hoặc nhiều về âm nhạc, văn học và nghệ thuật.

Có lẽ, cách nhìn nhận văn hoá theo góc độ hành vi được thể hiện rõ ràng nhất trong định nghĩa của Geertz (1977). Các yếu tố tạo dựng nên khái niệm văn hoá trong định nghĩa của tác giả đều trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến hành vi:

Xét về nhân học, văn hoá là:

- a. Toàn bộ cách sống của một người
- b. Tài sản xã hội mà cá nhân thụ đắc từ nhóm của mình
- c. Cách suy nghĩ, cảm nhận và tin tưởng
- d. Ý niệm trừu tượng rút ra từ hành vi
- e. Lí thuyết về cách thức trong đó một nhóm người hành xử trong thực tế
- f. Nơi lưu giữ học vấn chung
- g. Một bộ định hướng được chuẩn hoá đối với những vấn đề luôn tái diễn
- h. Hành vi được thụ đắc

- i. Một cơ chế cho chuẩn mực hành vi
 - j. Một bộ các kĩ thuật điều chỉnh trước môi trường và những người khác
 - k. Chất kết tủa của lịch sử
 - l. Sơ đồ, điểm sàng lọc và ma trận của hành vi
- + Nhấn mạnh vào hoạt động ý thức của con người

Nhiều nhà nghiên cứu lại có xu hướng nhấn mạnh vào phần “Sinh thể ý thức” (*Conscious being*) trong bản chất kép của con người. Các định nghĩa về văn hoá mà họ đưa ra, ở các mức độ khác nhau, đều khẳng định vai trò của ý thức (cái giúp con người vượt lên để phân biệt mình với phần còn lại của thế giới động vật) trong việc tạo dựng văn hoá. Hymes (1972:36) tin rằng:

Văn hoá của một xã hội bao gồm bất cứ điều gì mà người ta phải biết hoặc tin để hành xử theo cách có thể chấp nhận được đối với các thành viên của nó và nó phải là như vậy ở bất cứ một vai nào mà họ chấp nhận đối với bất cứ ai trong số chính họ. Văn hoá, cái mà người ta phải học để phân biệt với di sản sinh học của họ, phải bao gồm sản phẩm cuối cùng của học vấn: kiến thức, hiểu một cách tương đối theo nghĩa chung nhất của từ này.

Redder and Rehbein (1980) xem xét văn hoá trên góc độ dụng học và nhấn mạnh vào cái phẩm chất mà các tác giả này gọi là “công cụ tâm lí” của văn hoá:

Nếu xét khái niệm văn hoá theo dụng học, ‘văn hoá’ là một “khúc đồng diễn” của các trải nghiệm xã hội, các cấu trúc tư duy, các kì vọng và các hành động thực tế, “khúc đồng diễn” này có phẩm chất của một “công cụ tâm lí” (mental apparatus).

Một mặt nhấn mạnh vào khía cạnh ý thức của văn hoá, mặt khác khẳng định tính bản sắc của văn hoá, Hofstede [6] lại cho rằng:

Văn hoá là sự lập trình mang tính tập thể của trí não và sự lập trình này phân biệt các thành viên của một nhóm hoặc một loại người với các thành viên của một nhóm hay một loại người khác.

+ Nhấn mạnh vào tính bản sắc của văn hóa

Nhiều nhà nghiên cứu (đặc biệt là các nhà nghiên cứu dân tộc học và giao tiếp giao văn hoá) lại chủ trương nhấn mạnh vào tính bản sắc trong các yếu tố cấu thành của văn hoá. Các yếu tố này có thể được nhìn nhận khác nhau, nhưng tính bản sắc của chúng luôn được các học giả này nhấn mạnh.

Tylor [7] phát biểu:

Văn hoá, hiểu theo nghĩa rộng mang tính dân tộc học, là một tổng thể phức hợp bao gồm kiến thức, đức tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục cùng bất cứ khả năng và thói quen nào khác mà một con người có được với tư cách là thành viên của một xã hội.

Riddell (1989:1) cho rằng văn hoá bao gồm:

... tất cả các khía cạnh của đời sống con người được các thành viên của một xã hội thụ đắc và chia sẻ.

Tuy nhiên, cũng với việc nhấn mạnh vào tính bản sắc của văn hoá, UNESCO đã đưa ra được các định nghĩa thỏa đáng xét theo cả các yếu tố cấu thành:

Văn hoá là tổng thể phức hợp của những đặc tính tinh thần, vật chất, trí tuệ và tình cảm nổi trội giúp xác định một xã hội hoặc nhóm xã hội. Nó không chỉ bao gồm nghệ thuật và văn chương, mà còn cả cách thức sống, các quyền cơ bản của con người, các hệ thống giá trị, các truyền thống và đức tin.

UNESCO (Hội nghị toàn thế giới về các chính sách văn hóa. Mexico City, [8]).

Văn hoá là một bộ các hệ thống tượng trưng điều chỉnh hành vi và tạo khả năng cho việc giao tiếp qua lại của một số lớn người, cố kết họ thành một cộng đồng đặc thù và nổi bật.

UNESCO (1996: 108)

+ Xét theo các khía cạnh khác nhau của tổng thể văn hóa:

Bodley (1994) có thể được coi là đại diện cho xu hướng này. Định nghĩa mà tác giả đưa ra cho thấy tính đa dạng của khái niệm

văn hoá và tính khả biến của nó trong các bình diện được xem xét:

a. Định nghĩa theo chủ đề, văn hoá bao gồm mọi thứ trong bảng danh sách các chủ đề, hoặc các thể loại như: tổ chức xã hội, tôn giáo hoặc kinh tế.

b. Định nghĩa theo lịch sử, văn hoá là di sản xã hội, hoặc truyền thống, được truyền tới cho thế hệ tương lai.

c. Định nghĩa theo hành vi, văn hoá là hành vi của con người được thụ đắc và chia sẻ, là một cách sống.

d. Định nghĩa theo chuẩn mực, văn hoá là các ý niệm, các giá trị hoặc các qui tắc sống.

e. Định nghĩa theo chức năng, văn hoá là cách con người giải quyết các vấn đề của việc thích ứng với môi trường hoặc cùng chung sống.

f. Định nghĩa theo tâm lí, văn hoá là một phức hợp của các lí tưởng hoặc thói quen được thụ đắc nhằm ngăn ngừa các xung lực tuý hừng và phân biệt con người với thú vật.

g. Định nghĩa theo cấu trúc, văn hoá bao gồm các lí tưởng, các tượng trưng hoặc các hành vi đã được khuôn mẫu hoá và có quan hệ tương liên.

h. Định nghĩa theo tượng trưng, văn hoá dựa trên những ý nghĩa vô đoán được một xã hội chia sẻ.

+ Xét theo tổng thể các sản phẩm của ý thức và hành vi được chia sẻ giữa các thành viên trong một cộng đồng:

Cùng chung cách nhìn nhận theo khuynh hướng nhấn mạnh vào các khía cạnh vô hình và phi vật thể của văn hoá, nhiều nhà nghiên cứu nhận diện văn hoá như là tổng thể các sản phẩm của ý thức và hành vi. Các định nghĩa theo hướng này thường được các nhà nghiên cứu giao văn hoá, giao tiếp, dụng học, ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ học tâm lí viện đến để kiến giải nhiều hiện tượng sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp nội văn hoá và giao văn hoá.

Theo xu hướng này, Levine và Adelman [1] cho rằng:

Văn hoá là một phong nền được chia sẻ (ví dụ: phong nền về quốc gia, dân tộc, tôn giáo) xuất phát từ một ngôn ngữ và phong cách giao tiếp chung, các phong tục, đức tin, thái độ và giá trị chung.

Ý thức rõ tính bản sắc của văn hoá, nhưng vẫn nhấn mạnh vào ý nghĩa là sản phẩm của ý thức và hành vi, Richards et al. (1999:94) khẳng định:

Văn hoá là tổng thể các đức tin, thái độ, phong tục, hành vi, thói quen xã hội... của các thành viên trong một xã hội nhất định.

Bank et al. [9] đã đưa ra một nhận xét mang tính tổng kết khá thoả đáng về các cách xác định khái niệm văn hoá hiện nay. Theo các tác giả:

Ngày nay, phần lớn các nhà khoa học xã hội nhìn nhận văn hoá trước hết là bao gồm các khía cạnh mang tính tượng trưng, ý niệm và phi vật thể của các xã hội con người. Cốt lõi của một nền văn hoá không phải là các tạo tác, các công cụ và các yếu tố văn hoá vật thể khác của nó mà là cách thức các thành viên trong nhóm diễn giải, sử dụng và tiếp thụ chúng. Chính các giá trị, các tượng trưng, các diễn giải và các cách nhìn đã phân biệt một dân tộc này với một dân tộc khác trong các xã hội hiện đại hoá, chứ không phải là các vật thể vật chất và các khía cạnh vật thể khác của các xã hội con người. Các thành viên của một nền văn hoá thường diễn giải ý nghĩa của các tượng trưng, các tạo tác và các hành vi theo các cách như nhau.

Dựa vào các cách nhìn nhận đã được trình bày và nhằm định vị khái niệm cho mục đích nghiên cứu của mình, chúng tôi xin được đưa ra định nghĩa sau:

Văn hoá của một dân tộc là một tổng thể phức hợp bao gồm những gì mà dân tộc đó sáng tạo ra và thụ hợp được (cả vật thể và phi vật thể) cùng các cách thức mà dân tộc đó hành xử trong những hoàn cảnh cụ thể; tổng thể này giúp phân biệt một dân tộc này với một dân tộc khác không chỉ xét theo tính có

hay không của các sản phẩm và hành vi đó, mà còn xét theo cả tính liều lượng và cách thức biểu hiện của chúng nữa.

3. Các đặc tính của văn hóa

Có thể có nhiều cách khác nhau trong việc xác định các đặc tính của văn hoá: Có tác giả nhận diện chúng trong sự đối lập chúng với các đặc tính của tự nhiên; cũng có tác giả lại đối lập hoặc đồng hoá chúng với các đặc điểm của văn minh... Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu, nhìn chung, đều thống nhất về 6 đặc tính sau đây của văn hoá:

3.1. Văn hoá không mang tính bẩm sinh mà là sản phẩm của quá trình thụ đắc

Thực tế cũng như các kết quả nghiên cứu đã cho thấy trẻ em sinh ra một cách tự nhiên không phải đã có sẵn các khuôn mẫu về hành vi và cách thức tư duy. Các khuôn mẫu này được chúng thụ đắc và tích tụ dần để thích ứng với môi trường sống xung quanh với tư cách vừa là cá nhân vừa là thành viên cộng đồng. Các nhà nghiên cứu thiên về việc chấp nhận thuyết luân hồi, chấp nhận tiền kiếp và truyền kiếp, nhìn chung, đều khẳng định tính trường tồn của vô thức hoặc tâm thức hữu thức. Do vậy, họ thường đặt vấn đề nghi ngờ đặc tính này.

3.2. Văn hoá có khả năng truyền bá

Nhiều nhà nhân chủng học cho rằng văn hoá được hiện hữu hoá bằng các tượng trưng; và chính các tượng trưng này đã giúp quảng bá các nội dung và khuôn mẫu của nền văn hoá đó, các tượng trưng đóng vai trò là phương tiện truyền bá, trong đó hiệu quả nhất là các tượng trưng giao tiếp (cả ngôn từ

và phi ngôn từ, cả ngôn thanh và phi ngôn thanh).

3.3. Văn hoá mang tính động

Các ẩn tàng văn hoá như giá trị, quan niệm, đức tin, thói quen, phong tục, cấm kỵ... theo thời gian và trong sự tương tác với các nền văn hoá khác, ở các mức độ khác nhau, luôn thay đổi theo hướng chối bỏ và tiếp nhận, loại trừ và sáng tạo nhằm duy trì sự tồn tại, gia tăng sự phát triển và bảo toàn tính bản sắc của nền văn hoá đó.

3.4. Văn hoá mang tính lựa chọn

Tính lựa chọn của văn hoá không nên được hiểu một cách đơn giản là việc lựa chọn cái này và bỏ qua cái kia, chấp nhận khuôn mẫu hành vi này và từ chối khuôn mẫu hành vi kia. Nó cũng cần được hiểu theo tính liều lượng và theo cách thức biểu hiện của cái được lựa chọn đó. Ví dụ:

* Tính liều lượng: Khi phải thông báo với ai đó một thông tin không có lợi cho anh ta, cả người Việt và người Mỹ đều có xu hướng sử dụng các chiến lược gián tiếp nhiều hơn bình thường. Tuy nhiên, người Việt nhìn chung sử dụng chúng với tần suất cao hơn so với người Mỹ.

* Cách thức biểu hiện: Cùng thể hiện sự xin phép, nhưng trong khi người Mỹ áp dụng hành động lời nói gián tiếp mang tính ước mớu cao:

- *May I come in? (Em có thể vào lớp được không?)*

Thì người Việt lại viện đến hành động lời nói trực tiếp đi kèm với các hình thức xưng hô và các dấu hiệu từ vựng-tình thái với chức năng xác định thể thượng phong của người nghe:

- *Dạ, thầy cho em vào lớp ạ.*

3.5. Văn hoá là một chỉnh thể với các thành tố tương liên

Văn hoá có thể được coi như một sinh thể có tính hệ thống cao. Các thành tố tạo nên hệ thống đó có quan hệ tương liên, tương tác chặt chẽ. Nếu một thành tố hay một khu vực nào đó của văn hoá do một tác động nào đó mà thay đổi, nó sẽ kéo theo sự thay đổi, ở các mức độ khác nhau, của các thành tố hoặc khu vực khác. Ví dụ: Ngày nay, khi ẩn tàng giá trị về vai trò của người phụ nữ được đề cao thì hành vi giao tiếp của họ đối với nam giới cũng thay đổi.

Vợ nói với chồng:

+ Trước kia: *Dạ, thầy em đi làm về rồi đấy ạ.*

+ Ngày nay: *Anh về đấy à.*

3.6. Văn hoá mang tính bản tộc trung tâm (ethnocentric)

Thông thường, người ta sinh ra và lớn lên trong một nền văn hoá nhất định. Các ẩn tàng văn hoá của một xã hội trong đó người ta sống và các trải nghiệm mà người ta có được cùng các hành vi ứng xử của số đông những người xung quanh giúp người ta hình thành “giản đồ văn hoá” (*cultural schemata*) cho chính mình. Giản đồ văn hoá này được sử dụng như một công cụ để nhìn nhận, phán xét, lí giải... các hiện tượng và hành vi khác nhau. Người ta coi các giá trị, quan niệm, đức tin, thói quen, phong tục... của văn hoá mình là đúng đắn và các hành vi ứng xử của các thành viên trong cộng đồng họ là phù hợp. Cái gì khác hoặc ngược lại đều ít nhiều bị nhìn nhận tiêu cực (sai trái, dị thường, kì quái...). Đây chính là biểu hiện của tính bản tộc trung tâm. Những người thuộc nền văn hoá đề cao lịch sự dương tính thường phê phán các thành viên của nền văn hoá thiên về lịch sự âm tính là “lạnh lùng”, “khó gần”. Trong khi đó những người thuộc nền văn

hoá đề cao lịch sự âm tính lại thường chê bai các thành viên của nền văn hoá thiên về lịch sự dương tính là “thọc mạch”, “hiếu sự”.

4. Giao thoa văn hóa là gì?

Giao thoa văn hóa, theo cách hiểu của chúng tôi, là sự tương tác giữa các nhóm xã hội (*social groups*), giữa các tiểu văn hóa (*sub-cultures*), giữa các văn hóa tộc người (*ethnic cultures*) và giữa các nền văn hóa (*cultures*) khác nhau. Sự tương tác (hay giao thoa) văn hóa này được thể hiện ở các kiểu loại sau:

- **Tương tác nội văn hóa (Intra-cultural interaction):** Tương tác nội văn hóa được hiểu là sự/quá trình tương tác giữa những đối tác sống trong cùng một quốc gia và có cùng một phong nền văn hóa. Nó bao gồm:

- *Tương tác nội văn hóa nội nhóm (Intra-cultural interaction within group):* Các đối tác thuộc về cùng một nhóm xã hội (ví dụ, tương tác giữa hai người nông dân)

- *Tương tác nội văn hóa giao nhóm (Intra-cultural interaction across groups):* Các đối tác thuộc về các nhóm xã hội khác nhau (ví dụ, tương tác giữa một doanh nhân và một nhà nghiên cứu).

- *Tương tác nội văn hóa nội tiểu văn hóa (Intra-cultural interaction within subculture):* Các đối tác thuộc về cùng một tiểu văn hóa (ví dụ, tương tác giữa hai người miền Trung)

- *Tương tác nội văn hóa giao tiểu văn hóa (Intra-cultural interaction across subcultures):* Các đối tác thuộc về các tiểu văn hóa khác nhau (ví dụ, tương tác giữa người miền Bắc và người miền Nam).

• **Tương tác liên văn hóa (Inter-cultural interaction):** Tương tác liên văn hóa được định nghĩa là sự/quá trình tương tác giữa những đối tác sống trong cùng một quốc gia, nhưng thuộc về các văn hóa tộc người khác nhau (ví dụ, tương tác giữa người Kinh và

người H'mông hoặc giữa người Mĩ gốc Anglo-Saxon và người Mĩ gốc Việt).

• **Tương tác giao văn hóa (*Cross-cultural interaction*):** Tương tác giao văn hóa được xác định là sự/quá trình tương tác giữa những đối tác sống ở các quốc gia khác nhau và thuộc về các nền văn hóa khác nhau (ví dụ, tương tác giữa người Việt và người Pháp).

• **Tương tác xuyên văn hóa (*Trans-cultural interaction*):** Tương tác xuyên văn hóa được hiểu là sự/quá trình tương tác giữa những đối tác sống trong cùng một quốc gia hoặc ở các quốc gia khác nhau và/nhưng có các phong văn hóa khác nhau. Quá trình tương tác này chứng kiến một ảnh hưởng văn hóa rõ rệt mang tính áp đặt (với các mức độ khác nhau) của đối tác này lên đối tác kia.

Nếu chấp nhận các định nghĩa trên, ta sẽ dễ dàng đồng thuận rằng:

- Trong tương tác nội văn hóa, liên văn hóa và giao văn hóa, ở các tình huống cụ thể và với các mức độ khác nhau, sự tương tác xuyên văn hóa đều có khả năng hiện diện.

- Trong các loại tương tác trên, tương tác xuyên văn hóa dễ có khả năng tạo ra các trục trặc trong giao thoa văn hóa nhất.

- Giao thoa văn hóa ở tuyệt đại đa số các xã hội đều có tương tác nội văn hóa, liên văn hóa và xuyên văn hóa.

- Các xã hội mở và hòa nhập, ngoài các loại tương tác trên, đều có tương tác giao văn hóa.

6. Sốc và xung đột trong giao thoa văn hóa

Theo Valdes [10], sốc văn hóa là một hiện tượng bao gồm từ những sự khó chịu nhỏ đến những khủng hoảng tâm lí sâu sắc khi tiếp xúc với những người đến từ các nền văn hóa khác.

Chúng tôi (2006) cho rằng sốc văn hóa là cảm giác bất ổn, lo lắng, sợ hãi, sốt ruột, mất phương hướng, và do vậy, thu mình, bất hợp tác hoặc tỏ ra thù địch khi tiếp xúc với một

nhóm xã hội, một tiểu văn hóa, một văn hóa tộc người hay một nền văn hóa khác.

Theo nhiều nhà nghiên cứu văn hóa hành vi, giao thoa văn hóa và dân tộc học giao tiếp (Hymes, Saville-Troike, Levine and Adelman, Steward, Samovar and Richard, Condon and Yousef, Valdes...), sốc văn hóa thường có những biểu hiện tâm lí - xã hội chính yếu sau:

- Buồn bã, cô đơn;
- Lo lắng;
- Thay đổi tính tình, trầm cảm, bất lực;
- Cáu giận, bẳn gắt, ngại tiếp xúc với người khác;
- Thiếu tự tin;
- Cảm thấy bất ổn hoặc bất cập;
- Cảm thấy mất phương hướng, bị coi thường, bị lạm dụng, bị lợi dụng, bị khai thác;
- Không thể giải quyết được thậm chí những vấn đề đơn giản nhất;
- Bám lấy và lí tưởng hóa các ẩn tàng văn hóa của nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa của mình;
- Đánh mất bản sắc;
- Quá gắng sức để thụ đắc mọi thứ trong nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích;
- Hình thành các khuôn mẫu về nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa mà mình tiếp xúc;
- ...

Levine và Adelman [1] khẳng định rằng xung đột văn hóa xảy ra chính là kết quả của những diễn giải sai lệch, của tính bản tộc trung tâm, của việc khuôn mẫu hóa và của định kiến.

Theo cách nhìn nhận của chúng tôi, trong phần lớn các trường hợp, xung đột văn hóa là hậu quả của việc diễn giải sai lệch hành vi của người khác. Các diễn giải này chủ yếu bị qui định và quyết định bởi giá trị văn hóa của người tiếp nhận. Tất cả chúng ta đều chịu sự khống chế, sự điều khiển và sự qui định của phong nền văn hóa của chính ta. Mỗi cá

nhân đều có giản đồ văn hóa của mình và nó giúp ta diễn giải tính đúng - sai, tốt - xấu của hành vi và sự việc. Giản đồ này là sản phẩm của quá trình tương tác với những người thuộc cùng phong nền văn hóa và với môi trường văn hóa của ta. Nó được hình thành bởi các ẩn tàng văn hóa chung của nhóm, của cộng đồng và của xã hội như giá trị, quan niệm, đức tin, phong tục, tập quán, trình độ văn minh, thể chế chính trị - xã hội... thông qua giáo dục và tương tác với các thành viên khác. Giản đồ văn hóa của những người thuộc cùng một nhóm xã hội, một tiểu văn hóa, một văn hóa tộc người hay một nền văn hóa thường là tương đồng ở các mức độ khác nhau.

Khi tương tác với một/các thành viên thuộc một nhóm xã hội, một tiểu văn hóa, một văn hóa tộc người hay một nền văn hóa khác, các đối tác có xu hướng diễn giải hành vi của nhau theo những chuẩn mực đã được xác lập trong *giản đồ văn hóa* của mình cũng như theo những *trải nghiệm và kiến thức* được chia sẻ với những người có cùng phong nền văn hóa với mình. Thái độ và hành vi của họ cũng chịu tác động của một loạt các yếu tố, trong đó có các yếu tố chính yếu sau:

+ **Khuôn mẫu và định kiến:** Đó là các phản ứng tiêu cực xảy ra trong giao thoa văn hóa. Nhiều khi những phản ứng này không phải do tương tác thực tế gây ra mà do chịu tác động của những đức tin cố hữu, tiền thụ mà ta có về nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa của đối tác giao tiếp. Levine và Adelman [11] cho rằng “những đức tin được khái quát hóa một cách thái quá hay “các khuôn mẫu” thường định hình các quan niệm của mọi người về nhau. Khuôn mẫu bắt nguồn và phát triển từ các nguồn khác nhau như chuyện cười, sách giáo khoa, phim ảnh và vô tuyến truyền hình. Các khuôn mẫu tạo ra những nhìn nhận thiếu chính xác về các nhóm tôn giáo,

chủng tộc và văn hóa. Những đức tin mang tính khuôn mẫu làm chúng ta không thể nhìn nhận mọi người như những cá thể với những nét tính cách riêng biệt. Những khuôn mẫu tiêu cực sẽ dẫn đến định kiến: sự ngờ vực, sự thiếu khoan dung, hay sự thù hận đối với các nhóm văn hóa khác. Sự khác biệt giữa khái quát và khuôn mẫu không phải lúc nào cũng dễ hiểu. Nếu sự khái quát là cứng nhắc - không cho phép chấp nhận yếu tố cá nhân và thường khuyến khích sự phán xét mang tính phê phán và tiêu cực - nó sẽ trở thành các khuôn mẫu”.

+ **Bản tộc trung tâm (Ethnocentrism):** Trong giao thoa văn hóa, các đối tác giao tiếp thường có xu hướng cho rằng điều mà họ và những người có cùng phong nền văn hóa với họ tin là đúng chắc chắn sẽ là đúng. Và trong rất ít trường hợp tương tác văn hóa, các đối tác đều luôn thường trực với ý thức rằng điều được coi là đúng/hay/tốt trong văn hóa này có thể là sai/dò/xấu trong văn hóa kia, bởi vì, nhìn chung, người ta thường có xu hướng tin rằng cái mà họ có là tốt nhất, cách mà họ nghĩ là hay nhất và hành vi mà họ thực hiện là phù hợp nhất. Do vậy, họ thường đề cao các giá trị, quan niệm, đức tin, hành vi ứng xử, phong cách giao tiếp... trong văn hóa họ và coi những gì khác với những “chuẩn mực” đó là “phi chuẩn mực”. Đó là cái mà Levine và Adelman [1] gọi là “thái độ bản tộc trung tâm” (*ethnocentric attitudes*) đối với những người đến từ các nhóm xã hội, các tiểu văn hóa, các văn hóa tộc người và các nền văn hóa khác.

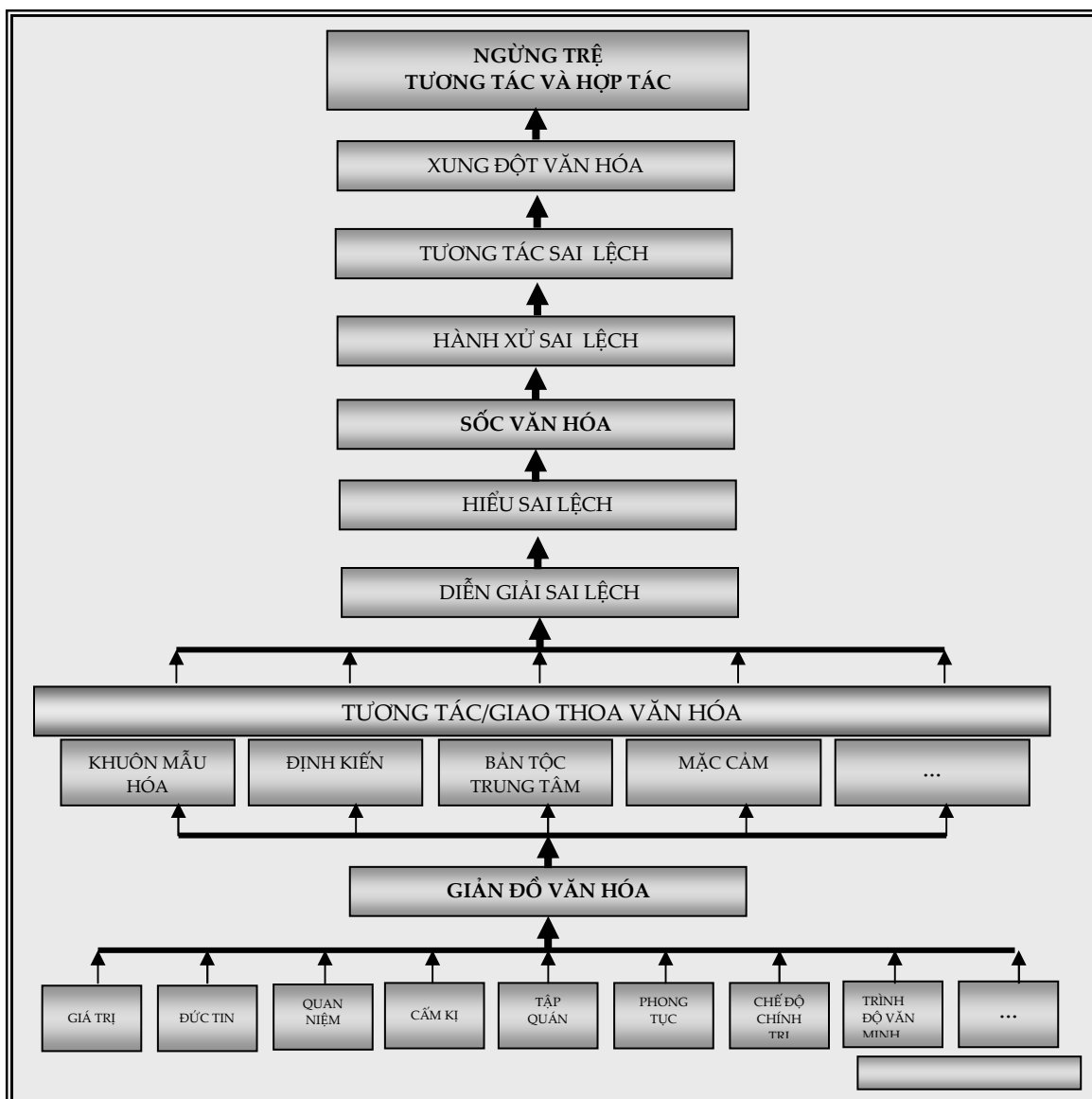
+ **Mặc cảm (Complex):** Mặc cảm, theo “Longman Dictionary of English Language and Culture” (1998:260) là “một tập hợp những ước vọng, sợ hãi, cảm giác ... mang tính vô thức và lẫn lộn có ảnh hưởng đến hành vi của một người, đặc biệt là làm cho nó tồi tệ hơn”. Mặc cảm bao gồm “Mặc cảm tự ti” (Inferiority complex) (một trạng thái tâm lý trong đó

người ta tin rằng mình kém quan trọng, kém thông minh... hơn nhiều so với người khác. Ibid, 1998:675) và “Mặc cảm tự tôn” (Superiority complex) (một trạng thái tâm lý trong đó người ta tin rằng mình quan trọng, thông minh... hơn nhiều so với người khác. Ibid, 1998:1357)

+ ...

Trong giao thoa văn hóa, ở rất nhiều trường hợp cụ thể, chính gián đồ văn hóa của các đối tác cùng các tiền niệm sai lầm, cứng

nhắc về người khác đã tạo ra những diễn giải sai lệch (*misinterpretations*) dẫn đến các cách hiểu sai lệch (*misunderstandings*) và gây ra sốc văn hóa (*culture shock*). Và do bị sốc văn hóa, họ sẽ có những hành xử sai lệch (*misbehaviours*), dẫn đến tương tác sai lệch (*misinteractions*) và tạo ra xung đột văn hóa (*cultural conflicts*). Và hậu quả tất yếu là sự ngừng trệ của quá trình tương tác và hợp tác (*breakdown of interaction and cooperation*). Để minh họa, chúng tôi xin được đưa ra sơ đồ sau:



7. Giao thoa văn hóa và giảng dạy ngoại ngữ

7.1. Nội dung

Theo chúng tôi, nội dung giao thoa văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ ở các cấp khác nhau (đại học, cao học thạc sĩ, nghiên cứu sinh) nên bao gồm, ở các mức độ khác nhau, các khu vực sau:

- **Các ẩn tàng văn hóa:** Nâng cao nhận thức về những tương đồng và dị biệt trong các ẩn tàng văn hóa như: giá trị, quan niệm, đức tin, phong tục, tập quán, truyền thống, cấm kỵ, phong cách tương tác, trình độ văn minh... Việc ý thức được những tương đồng và dị biệt này sẽ giúp người tham gia vào các hoạt động giao thoa văn hóa nâng cao được độ nhạy cảm, tránh được tính cố chấp, giáo điều, khuôn mẫu hóa, định kiến/thiên kiến, bản tộc trung tâm, mặc cảm (tự ti, tự tôn)... và tạo ra tính phù hợp trong các hoạt động giao thoa văn hóa.

- **Các bình diện phạm trù:** Sự hiểu biết (hay chí ít là ý thức) về những tương đồng và dị biệt giữa các nhóm xã hội, các tiểu văn hóa, các văn hóa tộc người hay các nền văn hóa trong các tương tác cụ thể xét theo các bình diện phạm trù là cực kì quan trọng. Nó giúp ta tránh được, ở các mức độ khác nhau, những diễn giải sai lệch, những cách hiểu sai lệch, những hành xử sai lệch, những tương tác sai lệch và những nhận xét sai lệch về các đối tác trong giao thoa văn hóa. Theo chúng tôi, các bình diện phạm trù này cần được xét ở ba cấp độ: *có hay không (availability)*, *liều lượng thế nào (proportionality)* và *cách thức biểu*

hiện ra sao (manifestability). Các bình diện phạm trù chính yếu bao gồm:

1. *Chủ quan tính - Khách quan tính (Subjectivity vs. Objectivity)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về chủ quan tính hay khách quan tính?

2. *Trực tiếp - Gián tiếp (Directness vs. Indirectness)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về trực tiếp hay gián tiếp?

3. *Chính xác - Phi chính xác (Accuracy vs. Inaccuracy)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về chính xác hay phi chính xác?

4. *Động - Tĩnh (Dynamicality vs. Staticity)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về động hay tĩnh?

5. *Hạ mình - Khẳng định mình (Self-abasement vs. Self-assertion)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về việc biểu lộ sự hạ mình hay sự khẳng định mình?

6. *Lịch sự dương tính - Lịch sự âm tính (Positive politeness vs. Negative politeness)*: Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về sự quan tâm, chia sẻ (lịch sự dương tính) hay sự tôn trọng tính riêng tư (lịch sự âm tính)?

7. *Trừu tượng - Cụ thể* (Abstractness vs. Concreteness): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về trừu tượng hay cụ thể?

8. *Duy cảm - Duy lý* (Sentimentality vs. Rationality): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về tính duy cảm hay tính duy lý?

9. *Tôn ti - Bình đẳng* (Hierarchy vs. Equality): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về việc biểu lộ tính tôn ti hay tính bình đẳng?

10. *Hướng nội - Hướng ngoại* (Introversion vs. Extroversion): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về việc biểu lộ tính hướng nội hay tính hướng ngoại?

11. *Qui thức - Phi qui thức* (Formality vs. Informality): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về việc biểu lộ tính trang trọng hay phi trang trọng, tính công thức hay phi công thức?

12. *Thiên về nhóm-Thiên về cá nhân* (Group-orientation vs. Self-orientation): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về nhóm/tập thể (collectivism) hay bản thân/cá nhân (individualism)?

13. *Chu cảnh cao - Chu cảnh thấp* (High-context vs. Low-context): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về việc lưu ý đến cái "Thế nào" (the How) hay cái "Cái gì" (the What) của nội dung tương tác?

14. *Tính rườm rà - Tính kiệm* (Redundancy vs. Economicality): Các cách thức, chiến lược được sử dụng trong các hành vi và được thể hiện trong các biểu đạt của hai văn hóa được xét thiên về tính rườm rà, tinh tế, cầu kì hay tính tiết kiệm, chân túc, minh bạch?

- **Những phẩm chất cần có trong giao thoa văn hóa:**

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu về giao thoa văn hóa, dân tộc học giao tiếp, giao tiếp giao văn hóa... đều đồng thuận rằng những phẩm chất sau đây là rất cần thiết đối với những người tham gia vào các hoạt động giao thoa văn hóa, đặc biệt là giao tiếp liên/giao văn hóa:

+ **Nhận thức** được rằng tất cả các nền văn hóa đều bình đẳng nhưng khác biệt (*all cultures are equal but different*):

- Điều ta cho là đúng/tốt/tích cực... trong văn hóa của ta không phải lúc nào cũng là đúng/tốt/tích cực... trong văn hóa khác.

- Cái có thể dẫn đến thành công trong văn hóa của ta chưa hẳn đã dẫn đến thành công trong văn hóa khác.

- **Có ý thức** về dị biệt trong các ẩn tàng văn hóa và những khu vực dễ gây sốc trong giao thoa văn hóa: Các giá trị, quan niệm, đức tin... trong các văn hóa khác nhau, ở các mức độ khác nhau, đều khác nhau.

- **Tiếp nhận một cách xây dựng và có phê phán** "cái mới" (*the "new"*) và "cái chưa biết" (*the "unknown"*) của nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích hoặc nảy sinh trong quá trình giao thoa văn hóa.

- **Khách quan:** Tránh phán xét các thành viên thuộc nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích theo các ẩn tàng văn hóa của văn hóa nguồn.

- **Kiên nhẫn:**

+ Cần kiên nhẫn để có thể hiểu và phán xét nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích một cách đúng đắn và công bằng;

+ Cần kiên nhẫn để có thể hiểu được tại sao cái mà ta tin là đúng/hay/tốt... trong nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa nguồn lại bị phán xét một cách tiêu cực trong nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích và ngược lại.

- Khoan dung:

+ Khoan dung thậm chí đối với cả những điều không thể (*Tolerating even the intolerable - UNESCO*);

+ Nghiêm khắc với bản thân và khoan dung với người khác.

- Nhạy cảm:

+ Nhạy cảm để phán định và hành xử phù hợp trong các tương tác cụ thể với các thành viên thuộc nhóm xã hội, tiểu văn hóa, văn hóa tộc người hoặc nền văn hóa đích;

+ Kết quả của nhiều nghiên cứu nguồn một (*primary research*) cho thấy sự nhạy cảm có vai trò cực kì quan trọng trong việc mang lại thành công cho các tương tác liên/giao văn hóa.

- Có đầu óc quan sát: Quan sát các cách thức hành xử, các phản ứng thái độ và tình cảm của đối tác thuộc phong nền văn hóa đích trong các tương tác đặc thù để có các hành vi phù hợp.

- Tôn trọng đối tác: "Thể diện" (*face*) là sản phẩm tiên thiên của ý thức và của tư cách kếp của con người [Tư cách cá nhân --> "Thể diện âm tính" (*negative face*) và "Tư cách thành viên" --> "Thể diện dương tính" (*positive face*)]. Việc lưu tâm, giữ gìn và đề cao thể diện của đối tác sẽ tạo thuận lợi cho tương tác và hợp tác.

- Không có tư tưởng bản tộc trung tâm: Tính bản tộc trung tâm dễ tạo ra thái độ coi thường, khắt khe, nghiệt ngã... đối với những người thuộc phong nền văn hóa khác.

- Không khuôn mẫu hóa: Khuôn mẫu hóa làm sơ cứng cách thức nhìn nhận của ta về những người thuộc phong nền văn hóa khác.

- Không định kiến: Định kiến là sản phẩm của khuôn mẫu hóa tiêu cực, của sự thiếu hiểu biết và thiếu tiếp xúc.

- Không mặc cảm: Mặc cảm dễ dẫn đến các hành vi thụ động và thái độ yếm thế hoặc các hành vi hung hăng và thái độ coi thường.

8. Cách thức

Giáo dục về giao thoa văn hóa trong giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh hội nhập hiện nay không nên được hiểu chỉ là nhiệm vụ của một/một số cá nhân hay một/một số thể chế cụ thể nào mặc dù trách nhiệm mang tính hành chính và điều phối có thể là của một/một số cá nhân hay một/một số thể chế quan yếu. Việc giảng dạy có thể do các cơ sở đào tạo phụ trách với các đối tượng khác nhau (chính qui hoặc phi chính qui), các hình thức học khác nhau (tập trung hoặc phi tập trung) và các khóa học khác nhau (dài hạn hoặc ngắn hạn, phổ thông hoặc chuyên biệt). Tuy nhiên, việc nhận thức được tầm quan trọng của giao thoa văn hóa trong quá trình hội nhập quốc tế và trong phát triển xã hội lại là của toàn xã hội, và thậm chí, toàn nhân loại. Khi các nhà lãnh đạo, các nhà hoạch định chính sách có được nhận thức đúng đắn, họ sẽ đưa ra được các đường hướng, chính sách, định hướng và tuyên truyền đúng đắn trong xã hội, tạo ra một **môi trường chính trị - xã hội (socio-political context)** thuận lợi cho các hoạt động giáo dục giao thoa văn hóa.

Môi trường chính trị - xã hội thuận lợi này sẽ tác động tích cực lên môi trường thể chế (cụ thể là "các cơ sở đào tạo"). Trang thiết bị quan yếu (máy quay phim, máy ghi âm, các băng hình...) phục vụ cho giảng dạy, học tập, nghiên cứu và thực hành sẽ được cung cấp. Cơ sở vật chất cụ thể và đặc thù (phòng bộ môn, phòng chuyên đề, phòng thu phát chương trình...) sẽ được xây dựng hoặc tận

dụng... Tất cả để tạo ra một **môi trường thể chế tĩnh** (*static institutional context*) thuận lợi.

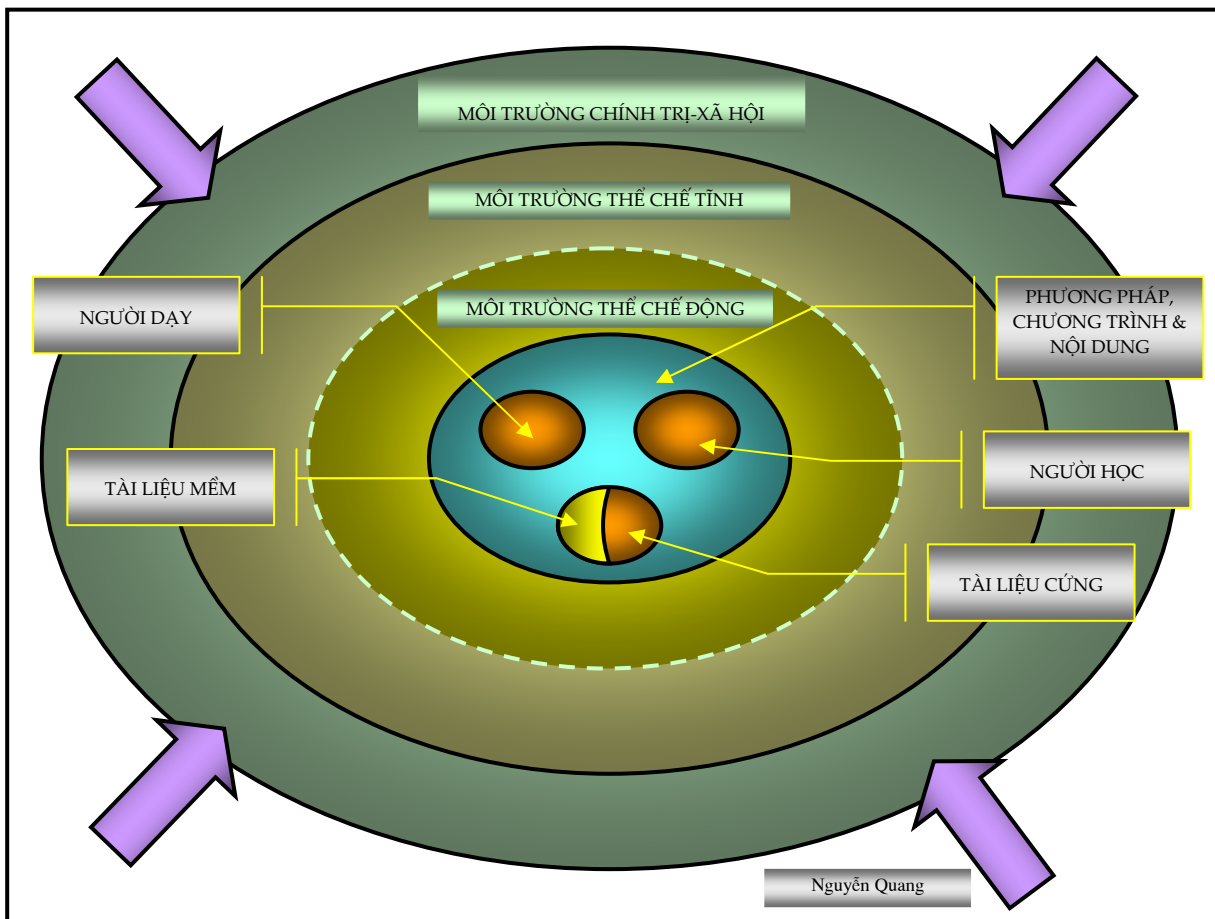
Môi trường chính trị - xã hội thuận lợi này cũng tác động tích cực lên **môi trường thể chế động** (*dynamic institutional context*). Các cán bộ lãnh đạo nhà trường, các cán bộ và nhân viên phòng ban... sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình dạy - học - nghiên cứu - thực hành.

Tác động và đòi hỏi của môi trường chính trị - xã hội, điều kiện và khả năng của môi trường thể chế, trình độ và khả năng của **người dạy** (*teacher*), nhu cầu, kì vọng, động cơ và khả năng của **người học** (*learner*), sự phong phú và cập nhật của nguồn **tài liệu** (*materials*) (*cứng: giáo trình, tài liệu bắt buộc...*,

mềm: tài liệu đọc thêm, từ phát...) sẽ giúp tạo ra **phương pháp, chương trình và nội dung** (*methodology, curriculum, syllabus*) đào tạo phù hợp với các khóa học cụ thể về giao thoa văn hóa.

Tùy vào các đối tượng cụ thể với các khóa học, cấp học cụ thể mà nội dung có thể mang tính lí thuyết cao hoặc tính thực hành cao. Nó có thể được lồng ghép vào các môn học, hoặc được đưa vào chương trình ngoại khóa, hoặc là nội dung của một môn học lựa chọn hoặc thậm chí là nội dung của một môn học bắt buộc. (Hi vọng sẽ có dịp được trình bày chi tiết hơn về vấn đề này)

Để minh họa, chúng tôi xin được đưa ra sơ đồ sau:



9. Kết luận

Giao thoa văn hóa là một thực tế; những xung đột văn hóa dẫn đến ngừng trệ tương tác, chối bỏ hợp tác, xung đột bạo lực, và thậm chí, xung đột quân sự là một thực tế. Việc nâng cao nhận thức của mọi người về đa dạng văn hóa, việc tạo dựng ý thức về những tương đồng và dị biệt trong giao thoa văn hóa xét theo các ẩn tàng văn hóa và các bình diện phạm trù, việc phát triển các phẩm chất cần có trong giao thoa văn hóa để tăng cường tính tương tác và hợp tác là một yêu cầu bức thiết.

Trong ‘Thập kỉ giáo dục vì sự phát triển bền vững’ do UNESCO vừa phát động, một trong 7 nội dung của bình diện văn hóa - xã hội [trong tổng số 15 nội dung cơ bản thuộc ba bình diện văn hóa - xã hội (7), môi trường (5) và kinh tế (3)] đã xác định rõ vai trò của đa dạng văn hóa và hiểu biết về giao thoa văn hóa vì sự phát triển bền vững. Giáo dục về giao thoa văn hóa cũng chính là giáo dục hiểu biết. Hiểu biết để chấp nhận, hiểu biết để khoan dung, hiểu biết để hợp tác và hiểu biết để vươn tới một sự phát triển bền vững. Bài viết này xin góp thêm một tiếng nói đồng tình.

Tài liệu tham khảo

- [1] D.R. Levine, M.B. Adelman, *Beyond Language – Cross - Cultural Communication*, Prentice Hall, Inc, 1993.
- [2] R. Williams, *Culture Is Ordinary*, In McKenzie (ed.), *Convictions*, 1958.
- [3] K. O’Sullivan, *Understanding Ways: Communicating between Cultures*, Southwood Press Pty Limited 80-92 Chapel Street, Marrick Ville, NSW, 1994.
- [4] C. Kluckhohn, W.H. Kelly, *Culture: A Critical Review of Concepts and Definitions*, Harvard University Peabody Museum of American Archaeology and Ethnology Papers 47, 1945.
- [5] R. Wardhaugh, *An Introduction to Sociolinguistics*, Basil Blackwell, 1993.
- [6] G. Hofstede, *National Cultures and Corporate Cultures*, In L.A. Samovar and R.E. Porter (Eds.), *Communication between Cultures*. Belmont, CA: Wadsworth, 1984.
- [7] R. Tylor, *Primitive Culture*, Missouri Education, 1871.
- [8] UNESCO, *World Conference on Cultural Policies*, Mexico City, 1982.
- [9] J.A. Banks, C.A. McGee, *Multicultural Education*, Needham Heights, MA: Allyn and Bacon, 1989.
- [10] J.M. Valdes (ed.), *Culture Bound*. Cambridge, CUP, 1995.
- [11] D.R. Levine, M.B. Adelman, *Beyond Language*, Prentice Hall, Inc, 1982.

Culture, cultural interaction and foreign language teaching

Nguyễn Quang

*Department of English, College of Foreign Language,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

In this article, different definitions and conceptualisations of “Culture” by different researchers and institutions are brought to critical discussion; and the author’s own is presented. Types of cultural interaction are classified and culture shock/cultural conflicts - examined. The

“What” and the “How” of cultural interaction are then recommended for foreign language teaching toward successful international communication.